

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Đường bộ - Sân bay

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Trọng Hiệp

2. Ngày tháng năm sinh: 30/07/1980 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): thị trấn Quỳ Nhất, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 11 ngõ 124 đường Phúc Diễn, huyện Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Trọng Hiệp, bộ môn Xây dựng Đường ô tô và Sân bay, Phòng 207, Nhà A6, Đại học Giao thông vận tải, số 3 Cầu Giấy, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0972336548;

E-mail: nguyentronghiep@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 04/2004 đến 12/2004: Cán bộ kỹ thuật, Công ty cổ phần nghiên cứu công nghệ và xây dựng giao thông Á Châu.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 04/2005 đến nay: Giảng viên bộ môn Xây dựng Đường ô tô và Sân bay, Đại học Giao
thông vận tải.

Từ 09/2004 đến 5/2007: Học thạc sĩ, Đại học Giao thông vận tải.

Từ 04/2011 đến 03/2014: Nghiên cứu sinh, Đại học Kyoto, Kyoto, Nhật Bản.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Xây dựng Đường ô tô và Sân bay, khoa Công Trình,
Trường Đại học Giao thông vận tải.

Địa chỉ cơ quan: Phòng 207 nhà A6, Trường đại học Giao thông Vận tải, Số 3 phố Cầu
Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 03 năm 2003; số văn bằng: 141XD98-BB05914/71KH2;
ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Xây dựng Cầu đường; Nơi cấp bằng ĐH (trường,
nước): Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 05 năm 2007; số văn bằng: 775-A0029373; ngành: Xây
dựng công trình giao thông; chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường
Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 03 năm 2014; số văn bằng: KOHAKU 3848; ngành: Quy
hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng giao thông và đô thị; chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng TS
(trường, nước): Đại học Kyoto, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được bổ nhiệm/công nhận

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:

Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về kết cấu nền mặt đường ô tô và sân bay.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về công nghệ xây dựng, sửa chữa mặt đường ô tô và sân bay.

- Hướng nghiên cứu 3: Quy hoạch và quản lý công trình cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Đã chủ trì và hoàn thành 02 đề tài cấp cơ sở.

- Đã công bố 30 bài báo khoa học, trong đó có 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính.

- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0 sách giáo trình, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Giao thông vận tải) năm học 2021-2022 theo Quyết định số 1764/QĐ-ĐHGTVT ký ngày 19/09/2022.

- Giấy khen của Hiệu trưởng trường đại học Giao thông vận tải do “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021” theo Quyết định số 1901/QĐ-ĐH GTVT ký ngày 21/10/2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, có lý lịch bản thân rõ ràng, luôn chấp hành nghiêm túc các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trường Đại học Giao thông vận tải và nơi cư trú.

- Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cởi mở, thân thiện, sẵn sàng giúp đỡ với người học; đoàn kết, hòa nhã đối với đồng nghiệp.

- Có kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng được các yêu cầu trong giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu cho các bậc đại học và sau đại học.

- Có kỹ năng cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và vị trí việc làm.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018				4	169		169/ 298,49/ 270
2	2018-2019			1	3	132	45	132/ 253,89/ 250
3	2019-2020		1	1	4	135		135/ 274,32/ 270
03 năm học cuối								
4	2020-2021				4	147	90	147/ 276,43/ 270
5	2021-2022			1	1	159	90	159/ 305,95/ 270
6	2022-2023				1	204		204/ 202,83/ 200

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Đào tạo quốc tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Đã học tập, thực hiện nghiên cứu, làm và bảo vệ luận án Tiến sỹ tại Nhật Bản bằng tiếng Anh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Hiệp		HVCH	✓		11/2014 - 05/2015	Trường đại học Giao thông vận tải	20/05/2016 (QĐ 1076/QĐ-ĐHGTVT)
2	Phạm Ngọc Chương		HVCH	✓		11/2014 - 05/2015	Trường đại học Giao thông vận tải	05/09/2016 (QĐ 1815/QĐ-ĐHGTVT)
3	Đặng Thành Trung		HVCH	✓		06/2015 - 12/2015	Trường đại học Giao thông vận tải	20/05/2016 (QĐ 1076/QĐ-ĐHGTVT)
4	Tô Việt Dũng		HVCH	✓		07/2015 - 01/2016	Trường đại học Giao thông vận tải	20/05/2016 (QĐ 1076/QĐ-ĐHGTVT)
5	Nguyễn Hoàng Anh		HVCH	✓		11/2015 - 05/2016	Trường đại học Giao thông vận tải	05/09/2016 (QĐ 1815/QĐ-ĐHGTVT)
6	Nguyễn Văn Pháp		HVCH	✓		09/2016 - 03/2017	Trường đại học Giao thông vận tải	29/11/2017 (QĐ 2232/QĐ-ĐHGTVT)
7	Từ Hữu Anh		HVCH	✓		05/2019 - 11/2019	Trường đại học Giao thông vận tải	29/05/2020 (QĐ 699/QĐ-ĐHGTVT)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	-	-	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-	-	-
...	-	-	-	-	-	-	-

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0;

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phân ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu một số chỉ tiêu của bê tông polymer đông cứng nhanh dùng trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng sân bay	CN	T2019-CT-012, Trường Đại học GTVT (cấp Cơ sở)	01/2019-12/2019	27-12-2019 / Xếp loại: Xuất sắc
2	Nghiên cứu đánh giá hư hỏng của nền, móng mặt đường bê tông xi măng tại các cảng hàng không ở Việt Nam bằng công nghệ radar xuyên đất (Georadar)	CN	T2021-CT-009, Trường Đại học GTVT (cấp Cơ sở)	01/2021-12/2021	23-03-2022 / Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Solutions for improving Capacity of Tan Son Nhat International Airport	5		Proceeding of The 2nd International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2018),			Vol. Special Issue, pp. 253-257	11/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Hanoi, Vietnam; The Transport Journal/ ISSN 2354-0818				
2	Developing a monitoring and evaluation system for urban planning – the case of Hanoi Master plan	4		Urban and Regional Planning Review/ ISSN 2187-3399	Tạp chí quốc tế		Vol.5, pp.77-110	11/2018
3	Một số dạng hư hỏng bề mặt mặt đường bê tông xi măng sân bay và yêu cầu kỹ thuật đặt ra đối với vật liệu sử dụng trong sửa chữa trám vá	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải/ ISSN 2354-0818			Số 11/2019, tr. 67-71	11/2019
4	Cấp phối đá dăm gia cố xi măng làm móng đường cấp cao, những vấn đề về tiêu chuẩn và thực tế thực hiện trên một số dự án xây dựng giao thông ở Việt Nam	3		Tạp chí Kết cấu và Công nghệ xây dựng Việt Nam/ ISSN 1859.3194			Số 32/2020, tr. 22-29	3/2020
5	Sử dụng đá đolômit trong xây dựng đường ô tô ở Ninh Bình và những vấn đề đặt ra	3		Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 4/2020, tr. 26-29	4/2020
6	Experimental Research on Properties of Polymer Concrete Used for Repairing Portland Cement Concrete Pavement of Airport	2	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures/ ISSN/eISSN 2170-127X	ESCI		Vol.7, No. 4, pp. 583-589	12/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	Một số đặc tính vật liệu bê tông polymer DOM 1-17 sửa chữa mặt đường sân bay trong điều kiện vừa khai thác vừa thi công	3		Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 12/2020, tr. 30-32	12/2020
8	Mô hình tính toán bê tông nhiều lớp trong sửa chữa mặt đường bê tông xi măng	4		Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 1-2/2021, tr. 42-45	2/2021
9	Research on Using Polymer Concrete for Portland Cement Concrete Airfield Pavement Repair—An Experimental Application of Noi Bai International Airport of Vietnam	2	Tác giả chính	Proceedings of the 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering, Lecture Notes in Civil Engineering (LNCE)/ Online ISBN 978-981-16-0053-1/ISBN 978-981-16-0052-4	Scopus		LNCE Vol. 145, pp. 175-181	04/2021
10	Bê tông phế thải và khả năng sử dụng trong xây dựng mặt đường ô tô ở Việt Nam	3	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 9/2021, tr. 32-36	09/2021
11	Nghiên cứu một số tính chất cơ lý của bê tông sử dụng cốt liệu tái chế từ bê tông phế thải trong xây dựng mặt đường cứng	6	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10/2021, tr. 55-58	10/2021
12	Nghiên cứu Giải pháp xử lý nền và móng mặt đường cứng sân bay khi	4	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 03/2022, tr. 28-32	3/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bão hòa nước bằng công nghệ tiên tiến							
13	Application of Georadar Method For Detecting Base And Subgrade Distresses of Rigid Pavement at Noibai International Airport	5	Tác giả chính	Science Journal of Transportation (SJT), ISSN 2410-9088			No.12, pp. 42-52	5/2022
14	Nghiên cứu sử dụng đá thải tại các mỏ đá kết hợp tro bay nhà máy nhiệt điện đốt than trong xây dựng móng kết cấu mặt đường ô tô	5	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 10/2022, tr. 35-39	10/2022
15	Study on the Use of Construction and Demolition Waste for Road Base or Subbase Pavement Construction in Hanoi	3	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures/ ISSN/eISSN 2170-127X	ESCI		Vol.9, No.4, pp. 467-475	12/2022
16	Experimental Study of Using Paper Production Industry Waste as Soil Stabilizer for Road Construction in Vietnam	2	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures/ ISSN/eISSN 2170-127X	ESCI		Vol.9, No.4, pp. 477-484	12/2022
17	Research on Using Dolomite Aggregate as Cement Treated Base for Highway Pavement Construction in Ninh Binh, Vietnam	3	Tác giả chính	Journal of Materials and Engineering Structures/ ISSN/eISSN 2170-127X	ESCI		Vol.9, No.4, pp. 485-492	12/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Finite Element Analysis of a Continuous Sandwich Beam resting on Elastic Support and Subjected to Two Degree of Freedom Sprung Vehicles	5		Engineering, Technology & Applied Science Research/eISSN 1792-8036 pISSN 2241-4487	ESCI		Vol. 13, No. 2, 2023, pp.10310-10315	12/2022
19	Using Paper Production Industry Waste as Soil Stabilizer for Pavement Construction in Vietnam	2	Tác giả chính	Proceedings of the 4th International Conference on Sustainability in Civil Engineering, ICSCE 2022, 25-27 November, 2022 Lecture Notes in Civil Engineering (LNCE)/eISBN 978-981-16-0053-1/ISBN 978-981-16-0052-4/ ISSN 2366-2557	Scopus		LNCE, volume 344 (Accepted)	05/2023
20	Nghiên cứu một số chỉ tiêu cường độ của hỗn hợp đá thải tro bay gia cố xi măng sử dụng làm móng kết cấu áo đường ô tô	5	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 3/2023, tr. 26-29	3/2023
21	NURBS-based Isogeometric Analysis and Refined Plate Theory Application on a Functionally Graded Plate	4	Tác giả chính	Engineering, Technology & Applied Science Research/eISSN 1792-8036	ESCI		Vol. 13, No. 2, 2023, pp.10243-10248	4/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Subjected to Random Loads			pISSN 2241-4487				
22	Improving the Quality of Toll Road Services to Increase Satisfaction Level of Pekanbaru – Dumai Toll Road	5		Civil and Environmental Science Journal/E-ISSN : 2620-6218	Tạp chí quốc tế		Vol. 6, No. 1, pp. 24-32	4/2023
23	Nguyên nhân, giải pháp khắc phục và công nghệ mới sửa chữa hư hỏng mặt đường cứng tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 4/2023, tr.98-102	4/2023
24	Dynamic analysis of reinforced concrete plate resting on elastic foundation using state space method and refined plate theory	1	Tác giả chính	Civil and Environmental Science Journal (CIVENSE)/E-ISSN 2620-6218	Tạp chí quốc tế		Vol. 6, No. 1, pp. 84-89	4/2023
25	Các biện pháp gia cố xử lý khu vực san gạt của dải cát hạ cánh - Áp dụng cho chkh Điện Biên	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 5/2023, tr.40-43	5/2023
26	Study on distress of airport pavement foundation and solution applied to Noi Bai international airport	1	Tác giả chính	Tạp Chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải, ISSN: 1859-2724, e-ISSN: 2615-9554	ACI		Tập 74, Số 4, tr.484-496	5/2023
27	Quy hoạch hệ thống cảng hàng không ở Việt Nam – Góc nhìn từ xu hướng, tiềm năng phát triển	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải/ISSN 1859-4263			Vol. 12 Issue 2, 48-58	6/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	ngành hàng không dân dụng và bài học kinh nghiệm trên thế giới							
28	Nghiên cứu vật liệu thay thế lớp móng CTB trên đường cao tốc bằng đá thải tại các mỏ gia cố xi măng	2	Tác giả chính	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam/ISSN 1859-459X			Số 6, 6/2023, 22-26	6/2023
29	Đánh giá hiệu quả khi tạo nhám và xẻ rãnh bề mặt mặt đường cát, hạ cánh bằng bê tông xi măng ở các cảng hàng không ở Việt Nam - Ứng dụng tại các Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải, e-ISSN 2615-9751, ISSN 2354-0818			Số 6/2023, 31-34	6/2023
30	Analysis Concrete Pavement Slab Resting On Nonuniform Elastic Foundation Using Finite Element Method	3	Tác giả chính	Engineering, Technology & Applied Science Research/eISSN 1792-8036, pISSN 2241-4487	ESCI		Vol. 13, Issue 4, 2023, 11242-11247	6/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **06** bài (số thứ tự: [6], [15], [16], [17], [21], [30]), .

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-
...	-	-	-	-	-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-
...	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	-	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-	-
...	-	-	-	-	-	-

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

- Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): UV không bị thiếu.

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): UV không bị thiếu.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): UV không bị thiếu.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): UV không bị thiếu.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 07 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn ... HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: UV không bị thiếu (Bài báo khoa học này **KHÔNG** được liệt kê tại mục 7.1)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì **02** nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)



Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: UV không bị thiếu.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Trọng Hiệp